

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ TƯ PHÁP - TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN
KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -
BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG -
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

Số: 22/2014/TTLT-BTP-TANDTC-
VKSNDTC-BCA-BQP-BTC-
BNN&PTNT

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH Hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn nội dung quản lý nhà nước, trách nhiệm quản lý nhà nước và quan hệ phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này được áp dụng đối với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng); Bộ Tư pháp; cơ quan được giao một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường; cơ quan tiến hành tố tụng ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ở quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh; cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Phổ biến, tuyên truyền Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện việc giải quyết bồi thường.

4. Giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

5. Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp không có sự thống nhất về cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường, việc chi trả tiền bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả.

7. Thống kê, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự trong phạm vi do mình quản lý.

2. Tòa án nhân dân tối cao quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

3. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, các cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng phối hợp với nhau và phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện các nội dung quản lý quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng

1. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan.
2. Bảo đảm thống nhất, kịp thời, đúng nội dung, thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

Chương II**PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG****Điều 6. Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường và giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**

1. Trường hợp vụ việc phức tạp, khó khăn trong việc giải quyết bồi thường cần phải thống nhất ý kiến giữa các cơ quan có liên quan, cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng có văn bản đề nghị các cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng khác và Bộ Tư pháp phối hợp, trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc họp liên ngành để thống nhất nội dung trước khi hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường và giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường, giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phải được đồng thời gửi cho các cơ quan đã phối hợp.

3. Trường hợp cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng nhận được đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường hoặc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng mà đề nghị đó không liên quan đến trách nhiệm bồi thường thuộc phạm vi ngành mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan đó chuyển đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền, đồng thời, thông báo ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đề nghị.

Điều 7. Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp không thống nhất về cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự

Trường hợp có tranh chấp về trách nhiệm bồi thường giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự thuộc các ngành theo khoản 2 Điều 21 Thông tư liên tịch số 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT

ngày 02 tháng 11 năm 2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự thì giải quyết như sau:

1. Cơ quan đề xuất việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường chủ động trao đổi với các cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng có liên quan để thống nhất xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường. Việc trao đổi có thể thực hiện thông qua hình thức tổ chức cuộc họp hoặc bằng văn bản.

2. Việc thống nhất xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải bằng văn bản. Văn bản phải được gửi ngay cho các cơ quan đã tham gia trao đổi, thống nhất ý kiến và cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

Điều 8. Kiểm tra liên ngành về công tác bồi thường

1. Việc kiểm tra liên ngành về công tác bồi thường được tiến hành theo kế hoạch của các cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra liên ngành về công tác bồi thường bao gồm:

- a) Hoạt động giải quyết bồi thường;
- b) Việc chi trả tiền bồi thường;
- c) Việc xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ.

3. Công tác kiểm tra liên ngành được thực hiện như sau:

a) Cơ quan đề nghị việc thực hiện công tác kiểm tra liên ngành chủ trì xây dựng dự thảo Kế hoạch kiểm tra. Dự thảo Kế hoạch kiểm tra phải được sự thống nhất ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng có liên quan;

b) Sau khi thống nhất về việc tổ chức thực hiện công tác kiểm tra liên ngành, cơ quan đề nghị kiểm tra có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành;

Thành phần Đoàn kiểm tra liên ngành gồm có: đại diện cơ quan đề nghị kiểm tra, đại diện cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng của cơ quan được kiểm tra, đại diện các cơ quan khác có liên quan đến công tác kiểm tra;

c) Cơ quan được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác kiểm tra và phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành theo yêu cầu.

4. Sau khi kết thúc hoạt động kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra liên ngành phải có kết luận kiểm tra và gửi đến các cơ quan có liên quan.

Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Đoàn kiểm tra liên ngành kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp không đúng thẩm quyền

1. Trường hợp cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng hoặc Bộ Tư pháp tiếp nhận khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước mà khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thì cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm chuyển ngay khiếu nại, tố cáo và các tài liệu có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo cho cơ quan đã chuyển đơn.

Điều 10. Thống kê, tổng hợp kết quả việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng trên phạm vi cả nước

1. Cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng định kỳ hàng năm thống kê, tổng hợp việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong phạm vi ngành mình và thông báo cho Bộ Tư pháp. Thời điểm lấy số liệu thống kê, tổng hợp hàng năm được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm báo cáo. Thời hạn gửi kết quả thống kê, tổng hợp trước ngày 15 tháng 10 của năm báo cáo.

2. Trường hợp đề phục vụ báo cáo Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội, cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng thống kê, tổng hợp việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong phạm vi ngành mình gửi về Bộ Tư pháp.

3. Nội dung thống kê, tổng hợp được thực hiện theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 11. Thống kê, tổng hợp kết quả việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng trong phạm vi địa phương

1. Theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường cùng cấp tại địa phương, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) và huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) thống kê, tổng hợp kết quả việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong phạm vi do mình quản lý và gửi cho các cơ quan sau đây:

a) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an cấp huyện gửi kết quả thống kê, tổng hợp tới Phòng Tư pháp;

b) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an cấp tỉnh gửi kết quả thống kê, tổng hợp tới Sở Tư pháp.

2. Thời điểm lấy số liệu, thời hạn gửi kết quả và nội dung thống kê, tổng hợp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Gửi bản sao trích lục bản án, quyết định có liên quan về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

1. Tòa án đã xét xử vụ án hình sự, vụ án hành chính và vụ việc dân sự có liên quan về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước gửi bản sao trích lục bản án, quyết định cho cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định đó có hiệu lực pháp luật như sau:

- a) Tòa án nhân dân tối cao gửi bản sao trích lục bản án, quyết định tới Bộ Tư pháp;
- b) Tòa án nhân dân cấp tỉnh gửi bản sao trích lục bản án, quyết định tới Sở Tư pháp;
- c) Tòa án nhân dân cấp huyện gửi bản sao trích lục bản án, quyết định tới Phòng Tư pháp;
- d) Tòa án quân sự gửi bản sao trích lục bản án, quyết định tới Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường khi nhận được bản sao trích lục bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổng hợp để theo dõi và phối hợp đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2015.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời thông báo tới cơ quan quản lý công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng và Bộ Tư pháp để có hướng dẫn kịp thời./.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Lê Hữu Thế

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

Tống Anh Hào

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**

Đinh Trung Tụng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Lê Quý Vương

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THỨ TRƯỞNG**

Hà Công Tuấn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Trương Chí Trung

TÊN CƠ QUAN**Biểu mẫu**

TÌNH HÌNH YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG
TRONG HOẠT ĐỘNG.....¹

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 22/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng)

(Kèm theo Báo cáo số... về hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng)

STT	Cấp quản lý ²	Số lượng đơn yêu cầu bồi thường	Số thụ lý			Số vụ đã giải quyết		Số còn lại	Kết quả giải quyết				
			Kỳ trước chuyển sang	Mới thụ lý	Tổng số	Số vụ	Tỷ lệ %		Quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực	Số vụ việc người bị thiệt hại yêu cầu Tòa án giải quyết	Số tiền bồi thường (nghìn đồng)	Số vụ hoàn trả	Số tiền hoàn trả (nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Trung ương												
	Tỉnh												
	Huyện												

¹ Tên lĩnh vực thống kê, báo cáo (mỗi biểu mẫu chỉ thống kê 01 trong các lĩnh vực là: tố tụng hình sự, tố tụng hành chính hoặc tố tụng dân sự).

² Tùy thuộc cấp quản lý mà có các số liệu của các cấp.